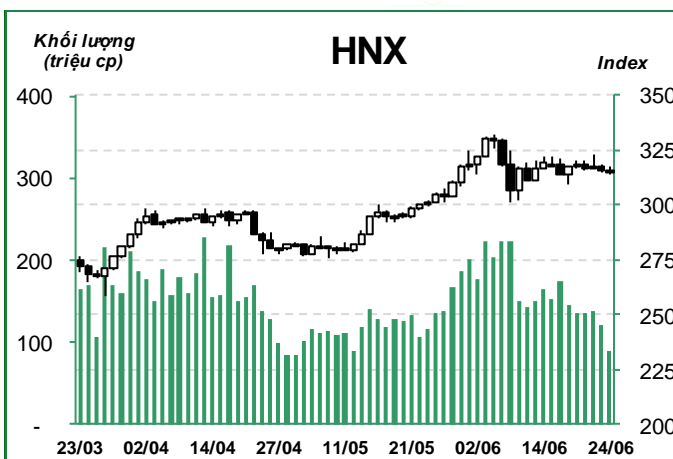
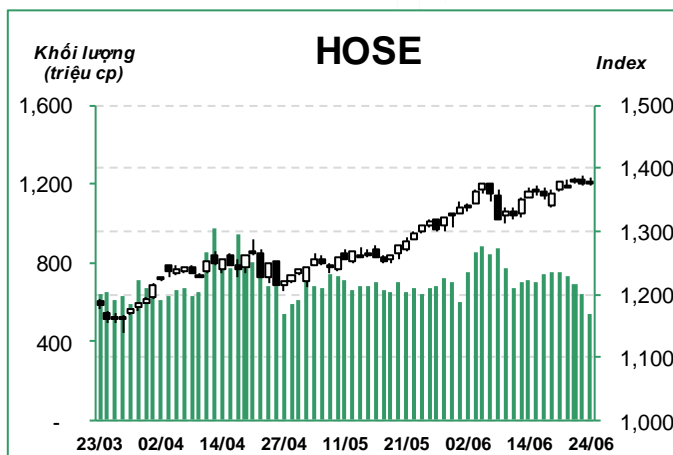


Tổng quan thị trường

24/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,379.72	0.21%	1,486.96	-0.17%	315.08	-0.23%
Cuối tuần trước	1,377.77	0.14%	1,481.30	0.38%	318.73	-1.14%
Trung bình 20 ngày	1,358.73	1.54%	1,479.17	0.53%	317.80	-0.86%
Tổng KLGD (triệu cp)	591.75	-16.75%	187.74	-7.70%	92.81	-26.49%
KLGD khớp lệnh	538.10	-16.54%	175.26	-11.41%	89.52	-26.66%
Trung bình 20 ngày	743.71	-27.65%	255.68	-31.45%	161.99	-44.74%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	18,484.41	-12.50%	9,558.19	-10.50%	2,161.50	-24.85%
GTGD khớp lệnh	16,673.44	-12.59%	8,964.17	-12.23%	2,000.79	-26.45%
Trung bình 20 ngày	23,191.64	-28.11%	12,974.15	-30.91%	3,820.40	-47.63%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	112	26%	12	40%	65	18%
Số mã giảm	274	62%	16	53%	135	37%
Số mã đứng giá	53	12%	2	7%	166	45%



Tương tự như những phiên giao dịch gần đây, thị trường có diễn biến rung lắc khi chỉ số liên tục đảo chiều quanh ngưỡng tham chiếu. Bất chấp việc khối ngoại bắt đầu có động thái mua ròng trở lại, sự “thờ ơ” của dòng tiền nhà đầu tư trong nước vẫn là rào cản lớn khiến chỉ số thiếu đi động lực để tiếp tục bứt phá.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index tăng nhẹ hơn 2 điểm và chốt phiên tại mức 1,379.72 điểm (+0.21%). Tình trạng dòng tiền đứng ngoài thị trường tiếp tục diễn ra khiến thanh khoản trên sàn HoSE đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ cuối tháng 4. KLGD khớp lệnh đạt 538.1 triệu cổ phiếu (-16.5%), tương đương 16,673 tỷ đồng giá trị (-12.6%). Trong khi đó, độ rộng thị trường cũng ghi nhận sự áp đảo hoàn toàn của bên bán với 274 mã giảm/112 mã tăng.

VN-Index rơi vào tình trạng “xanh vỏ đỏ lòng” khi lực cầu chỉ tập trung ở một số cổ phiếu trụ để giữ chỉ số. Trong đó, nổi bật nhất là phiên tăng trở lại và thiết lập đỉnh lịch sử mới của Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+3.9%). Bên cạnh đó, giúp chỉ số giữ được sắc xanh trong hôm nay còn có nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng với Vietcombank-VCB (+0.9%), Vietinbank-CTG (+1.3%) và nhóm BĐS với Novaland-NVL (+2.7%), Vinhomes-VHM (+0.7%) hay BĐS Phát Đạt-PDR (+3.4%). Ở chiều ngược lại, với việc thiếu đi sự hỗ trợ của dòng tiền khiến nhiều nhóm ngành từ vốn hóa lớn đến vừa và nhỏ đồng loạt đóng cửa dưới tham chiếu. Trong đó, áp lực giảm điểm nhiều nhất thuộc về Hòa Phát-HPG (-1.6%), Vinamilk-VNM (-1.4%), Sacombank-STB (-2.5%), VPBank-VPB (-0.6%).

Khối ngoại có phiên mua ròng thứ 3 liên tiếp trên sàn HoSE, đạt giá trị 183.4 tỷ đồng (+11.4%). Với lực mua tập trung ở các cổ phiếu như Chứng khoán SSI-SSI (+101.0 tỷ),

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TPB	5,690.0	203.42
VIX	6,500.0	176.80
SJS	2,633.7	154.44
LPB	4,657.6	124.82
SSI	2,300.0	114.77
NVL	955.0	103.62
SAM	10,033.4	100.33
VCG	1,380.0	67.84
STB	1,833.0	54.67
FPT	550.0	49.94
HNX		
VCS	424.4	44.10
THD	186.6	37.30
NSC	300.0	24.60
PAN	700.0	18.90
PVS	242.1	7.34
IDV	100.0	6.17
TVC	346.9	5.97
SHB	167.0	4.93
VC3	125.0	2.58
GKM	140.0	2.20

Vinhomes-VHM (+83.4 tỷ), Vietcombank-VCB (+69.9 tỷ). Trong khi đó, một số cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng như MBBank-MBB (-69.1 tỷ), VPBank-VPB (-63.3 tỷ), Vietinbank-CTG (-60.5 tỷ) dẫn đầu ở chiều bán ròng.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index có diễn biến rung lắc trong biên độ hẹp và đóng cửa giảm nhẹ xuống mức 315.08 điểm (-0.23%). KLGD khớp lệnh đạt 89.5 triệu cổ phiếu (-26.7%), tương đương 2000.8 tỷ đồng giá trị (-26.4%).

Áp lực bán dâng cao khiến nhiều cổ phiếu trụ tiếp tục điều chỉnh. Trong đó, Cảng Hải Phòng-PHP (-5.0%), Dầu khí PTSC-PVS (-1.3%), Tập đoàn PAN-PAN (-3.2%) và Idico-IDC (-1.6%) là những cổ phiếu có tác động tiêu cực nhất đến HNX-Index. Ở chiều ngược lại, điểm nhấn của sàn HNX hôm nay đến từ cổ phiếu Chứng khoán Everest-EVS (+9.8%) với phiên tăng trần tiếp tục lập đỉnh cùng khối lượng giao dịch cao kỷ lục. Bên cạnh đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.4%), Thaiholdings-THD (+0.2%) cũng ghi nhận mức tăng nhẹ.

Về giao dịch khối ngoại, khối này bán ròng 5.1 tỷ đồng trên sàn HNX. Sau khi được mua mạnh trong phiên hôm qua, Chứng khoán VNDIRECT-VND bị bán ròng trở lại với giá trị 3.4 tỷ. Theo sau là Gas Đô thị-PCG (-2.1 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-2.0 tỷ). Trong khi đó, khối ngoại mua ròng đáng kể nhất là Vicostone-VCS (+0.8 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+0.6 tỷ), Hóa dầu Petrolimex-PLC (+0.5 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tiếp tục suy giảm và ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán đã suy yếu. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng chùm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Thêm vào đó, các tín hiệu kỹ thuật khác đang củng cố cho xu hướng tăng hiện tại, với đường RSI hướng lên vùng 65, cùng với ADX nằm trên vùng 24 và đường +DI nằm trên -DI cho thấy đà tăng điểm chiếm thế chủ đạo, chỉ số đang có cơ hội thoát trạng thái giằng co để hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến yếu hơn. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp và đóng cửa dưới MA20, cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn còn. Trong trường hợp, chỉ số không thể sớm lấy lại được mức đóng cửa trên MA20 thì chỉ số có thể chịu sức ép về hỗ trợ quanh vùng 300 điểm (MA50). Nhìn chung, thị trường đang có cơ hội thoát khỏi trạng thái giằng co. Do đó, nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng và đang hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TGG	7.4	315.1	6.9%
VOS	7.9	2,097.3	6.9%
TNT	8.8	263.9	6.9%
HID	5.3	1,346.8	6.9%
VTO	9.9	1,179.1	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SJS	55.8	3,001.4	-7.0%
NBB	29.3	146.4	-7.0%
IJC	32.1	11,672.4	-6.7%
CMV	13.2	0.1	-6.1%
FTM	2.9	696.7	-5.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CTG	53.4	1,333.8	1.3%
HPG	50.6	1,040.5	-1.6%
MBB	42.0	952.5	0.2%
VPB	68.6	928.7	-0.6%
STB	29.0	694.7	-2.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CTG	53.4	24,728.3	1.3%
STB	29.0	23,582.7	-2.5%
MBB	42.0	22,522.7	0.2%
FLC	14.0	20,385.6	1.8%
HPG	50.6	20,374.2	-1.6%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VDL	21.1	0.1	9.9%
VC2	17.8	77.1	9.9%
BKC	5.6	6.2	9.8%
EVS	31.5	1,026.8	9.8%
VE3	9.0	155.2	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THS	21.3	7.2	-9.7%
VNC	29.8	1.3	-9.7%
VE8	8.5	0.3	-9.6%
MIM	6.3	1.4	-8.7%
KDM	7.5	297.8	-8.5%

Top 5 giá trị

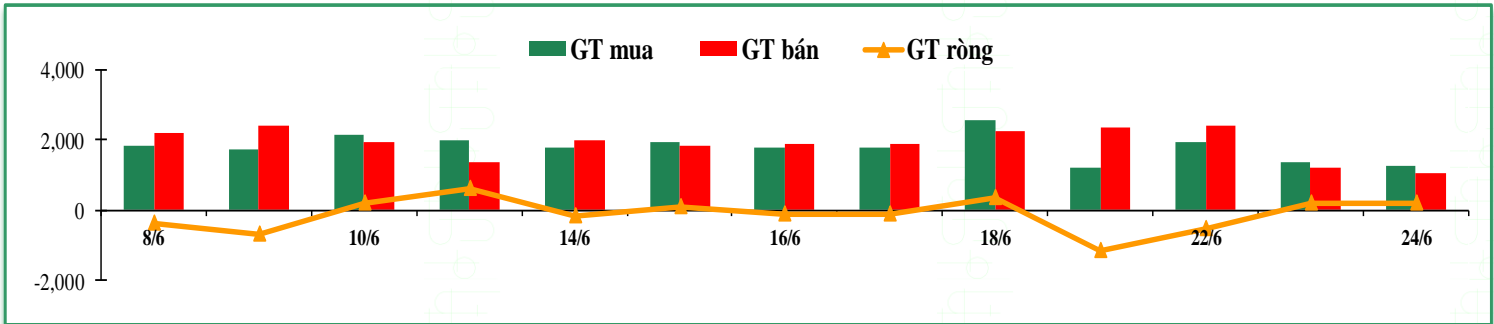
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	27.0	345.9	0.4%
PVS	29.5	258.0	-1.3%
THD	199.4	178.5	0.2%
SHS	41.5	173.3	-0.5%
NVB	18.9	155.5	0.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	27.0	12,828.6	0.4%
PVS	29.5	8,656.9	-1.3%
NVB	18.9	8,169.8	0.0%
KLF	5.2	5,101.7	0.0%
SHS	41.5	4,147.9	-0.5%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,192.0	6.4%	1,008.7	5.5%	183.4
HNX	51.6	2.4%	56.7	2.6%	-5.1
Tổng số	1,243.7		1,065.4		178.2



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	112.1	163.8	0.7%
SSI	50.2	131.9	0.6%
VCB	110.7	76.6	0.9%
HPG	50.6	72.5	-1.6%
DXG	24.2	65.0	2.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	50.6	94.3	-1.6%
MBB	42.0	86.2	0.2%
VHM	112.1	80.4	0.7%
CTG	53.4	65.9	1.3%
VPB	68.6	63.3	-0.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SSI	50.2	101.0	0.6%
VHM	112.1	83.4	0.7%
VCB	110.7	69.9	0.9%
DXG	24.2	58.6	2.1%
GAS	95.8	57.2	2.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	103.3	42.1	-0.7%
VND	42.7	4.8	-0.5%
APS	14.9	1.0	-2.0%
PVS	29.5	0.7	-1.3%
PLC	26.9	0.5	-2.9%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	103.3	41.3	-0.7%
VND	42.7	8.2	-0.5%
PCG	9.6	2.1	9.1%
BVS	28.6	2.1	-1.0%
APS	14.9	1.3	-2.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	103.3	0.8	-0.7%
PVS	29.5	0.6	-1.3%
PLC	26.9	0.5	-2.9%
CVN	9.3	0.5	0.0%
KLF	5.2	0.2	0.0%

Tin trong nước

Vốn FDI vào Việt Nam nửa đầu năm 2021 đạt gần 15,3 tỷ USD, Long An liên tục dẫn đầu

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 20/6/2021, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) đạt 15,27 tỷ USD, bằng 97,4% so với cùng kỳ năm 2020. Vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 9,24 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Singapore là đối tác đầu tư lớn nhất vào Việt Nam trong 6 tháng đầu năm với tổng vốn đầu tư 5,64 tỷ USD, chiếm gần 36,9% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo địa bàn đầu tư, các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 56 tỉnh, thành phố trên cả nước, trong đó, Long An dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký 3,57 tỷ USD, chiếm 23,4% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Ngân hàng đồng loạt giảm mạnh giá USD

Sáng nay (24/6), Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm ở mức 23.191 VND/USD, không đổi so với phiên liền trước.

Với biên độ +/-3% đang áp dụng, tỷ giá trần mà các ngân hàng áp dụng hôm nay là 23.887 VND/USD và tỷ giá sàn là 22.495 VND/USD.

Tỷ giá bán vẫn đang ở mức 23.837 đồng, trong khi tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng vẫn đang được niêm yết ở mức 22.975 VND/USD.

Trong khi đó, giá USD tại các ngân hàng thương mại sáng nay quay đầu giảm khá mạnh.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Hợp ĐHCĐ Vingroup: Bán xe điện, cho thuê pin, mục tiêu 15.000 ô tô tại Mỹ năm tới

Sáng 24/6, Vingroup (HoSE: VIC) họp cổ đông thường niên 2021 trình kế hoạch doanh thu thuần 170.000 tỷ đồng (7,4 tỷ USD) và lợi nhuận sau thuế khoảng 4.500 tỷ đồng, lần lượt tăng 54% và giảm 1% so với kết quả năm 2020.

Mảng kinh doanh xe điện của Vingroup hướng đến việc chuyển đổi xe xăng của người tiêu dùng. Tập đoàn dự kiến sẽ bán 15.000-16.000 xe điện tại Mỹ trong năm sau. Định hướng kinh doanh của Vingroup là người dùng sẽ đi thuê pin thay vì phải sở hữu. Tập đoàn sẽ cho thuê pin và phí nạp điện bằng chi phí khách hàng trả cho xăng.

Năm trước, Vingroup ghi nhận doanh thu thuần đạt 110.490 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 4.546 tỷ đồng, lần lượt giảm 15% và 41% so với năm 2019 do những ảnh hưởng của đại dịch. Trong đó, bất động sản vẫn là trụ cột chính với doanh thu tăng 12% lên 72.167 tỷ đồng.

Với kết quả đạt được, HĐQT trình phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12,5%. Với hơn 3,38 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, tập đoàn có kế hoạch phát hành tổng cộng 422,8 triệu cổ phiếu mới. Vốn điều lệ dự kiến tăng lên thành 38.052 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, tập đoàn cũng trình phương án phát hành cổ phiếu tối đa 0,2% vốn điều lệ theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP). Thời điểm phát hành không muộn hơn tháng 6/2022. Cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm từ ngày phát hành.

Dragon Capital mua 1 triệu cổ phiếu HPG

Quý thành viên CTBC Vietnam Equity Fund thuộc Dragon Capital đã mua 1 triệu cổ phiếu Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) vào ngày 22/6, nhằm tăng lượng nắm giữ lên 17,1 triệu đơn vị (tỷ lệ 0,38%). Giao dịch khiến tổng sở hữu cả nhóm xuống tăng lên gần 269 triệu cổ phiếu, tương đương 6,013%.

Hiện Dragon Capital đang sở hữu lượng cổ phiếu có giá trị thị trường gần 13.797 tỷ đồng.

Ngày 1/6, Hòa Phát đã chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 35% và bằng tiền mặt tỷ lệ 5%. Theo đó tập đoàn phát hành mới 1,16 tỷ cổ phiếu và trích khoảng 1.650 tỷ đồng trả cho cổ đông. Với gần 200 triệu cổ phiếu nắm giữ trước ngày giao dịch không hưởng quyền, Dragon Capital được nhận gần 100 tỷ đồng và 70 triệu cổ phiếu mới.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	60	49.9	20.2%	66	32.3%	47	-5.8%	Xu hướng phục hồi đang tiếp diễn

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	60	49.9	20.2%	66	32.3%	47	-6%	
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	29.5	21.8	35.3%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	VRE	Mua	10/06/21	32	31.7	0.9%	36	14%	30	-5%	
4	KBC	Mua	15/06/21	38.6	35.4	9.0%	42	19%	33.3	-6%	
5	VCS	Mua	16/06/21	103.3	103.7	-0.4%	122	18%	97.8	-6%	
6	SBT	Mua	17/06/21	21.4	21.1	1.4%	24	14%	20.4	-3%	Thủng ngưỡng 21.1 ngàn (MA20) thì bán
7	POW	Mua	18/06/21	12.15	12.4	-2.0%	14.3	15%	11.7	-6%	
8	VNM	Mua	21/06/21	88.7	92.1	-3.7%	101.5	10%	88.6	-4%	
9	CTG	Mua	23/06/21	53.4	51.9	2.9%	58.2	12%	49.4	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 24/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2101	1,500	3,740	-5.1%	149%	25,290	11	84,700	3,966	226	MBS	FPT	64,120	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,330	-0.3%	233%	540	90	34,250	915	(2,415)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	40,000	-8.5%	602%	30	6	50,600	44,995	4,995	VND	HPG	19,110	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,300	-0.8%	690%	3,950	90	50,600	5,625	(2,675)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	28,000	-4.3%	324%	1,380	11	50,600	29,256	1,256	ACBS	HPG	30,140	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,200	-2.2%	238%	4,640	12	50,600	13,161	(39)	VND	HPG	30,880	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	7,820	-6.7%	421%	6,270	11	50,600	8,037	217	MBS	HPG	32,940	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	15,930	-1.3%	431%	7,220	46	50,600	13,202	(2,728)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	12,000	-9.2%	193%	10,840	64	50,600	9,219	(2,781)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	4,990	-3.3%	284%	11,100	49	50,600	1,912	(3,078)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	4,880	-3.6%	307%	22,670	49	50,600	1,896	(2,984)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,600	-2.2%	125%	4,770	53	36,200	3,174	(426)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,850	-1.7%	185%	1,280	90	36,200	1,348	(1,502)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,000	-2.3%	79%	13,820	50	36,200	4,452	(548)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	7,620	-2.1%	376%	12,380	12	42,000	8,009	389	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,310	0.3%	176%	2,550	49	42,000	763	(2,547)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,680	-6.0%	155%	5,540	90	106,500	411	(2,269)	KIS	MSN	100,000	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,470	0.0%	147%	2,490	90	106,500	110	(2,360)	KIS	MSN	111,110	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	5,020	-6.2%	67%	5,310	50	106,500	3,126	(1,894)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	25,030	-2.0%	109%	100	6	144,000	24,682	(348)	VND	MWG	94,670	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,750	1.9%	15%	6,350	12	144,000	2,708	(42)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,000	-1.6%	100%	9,120	39	144,000	4,855	(1,145)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,600	-3.0%	-16%	12,740	11	144,000	1,558	(42)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	6,800	4.6%	183%	12,240	(94)	144,000	(139)	(6,939)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,000	-3.6%	36%	1,540	64	144,000	1,638	(2,362)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CNVL2101	1,000	5,290	0.2%	429%	11,460	90	115,000	4,997	(293)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,600	5.0%	227%	46,830	95	115,000	1,770	(1,830)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,900	6.6%	255%	31,960	64	89,000	507	(3,393)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,460	5.9%	305%	13,490	95	89,000	737	(3,723)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,090	-5.0%	23%	1,130	12	98,100	2,112	22	VND	PNJ	77,250	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,600	-7.1%	130%	4,520	39	98,100	3,810	(790)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,260	-3.8%	-2%	17,530	12	56,400	2,108	(152)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,500	-3.9%	127%	3,230	90	21,400	18	(2,482)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,250	-0.2%	525%	12,020	90	29,000	3,559	(2,691)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,120	-2.5%	409%	7,680	46	29,000	5,524	(1,596)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,000	-1.1%	150%	2,210	64	29,000	6,186	(3,814)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	29,310	-0.2%	443%	2,700	36	50,900	28,947	(363)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,900	-0.4%	378%	2,310	103	50,900	20,087	(3,813)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	7,220	-2.4%	214%	9,250	12	50,900	7,463	243	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,030	-2.7%	211%	12,640	46	50,900	7,748	(1,282)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,030	-1.8%	252%	6,990	64	50,900	2,659	(4,371)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	1,780	-1.7%	11%	32,240	53	22,150	40	(1,740)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,600	-2.6%	160%	2,580	90	22,150	85	(2,515)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,100	-5.8%	-24%	6,650	50	22,150	5	(2,095)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,490	-0.7%	24%	16,680	49	22,150	(0)	(1,490)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	2,900	-2.0%	164%	9,340	90	112,100	442	(2,458)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,500	1.2%	32%	27,420	12	112,100	2,516	16	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,000	3.1%	88%	28,440	46	112,100	1,437	(1,563)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,980	0.0%	99%	12,870	50	112,100	883	(2,097)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,350	1.2%	158%	14,340	49	112,100	24	(3,326)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,730	-2.2%	173%	5,620	90	117,500	43	(2,687)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,290	4.1%	108%	5,080	95	117,500	0	(2,290)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	2,040	4.6%	85%	2,880	90	88,700	0	(2,040)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	260	-18.8%	-85%	34,360	12	88,700	(0)	(260)	VND	VNM	107,650	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	2,200	-16.4%	49%	9,360	81	88,700	3	(2,197)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,710	-2.8%	55%	7,770	95	88,700	0	(1,710)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	43,250	0.6%	672%	1,450	36	68,600	42,655	(595)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,000	-3.2%	417%	1,930	12	68,600	15,813	813	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	16,330	0.8%	505%	21,190	46	68,600	16,099	(231)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,600	-1.7%	244%	6,100	64	68,600	6,595	(2,005)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	6,000	-1.0%	20%	6,210	36	32,000	4,558	(1,442)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2101	1,200	2,330	-2.1%	94%	5,310	90	32,000	85	(2,245)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	660	-16.5%	-63%	35,150	12	32,000	505	(155)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	1,550	-7.2%	19%	9,260	46	32,000	154	(1,396)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	2,700	-7.2%	-10%	5,560	50	32,000	32	(2,668)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDC	(New)	HOSE	60,500	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8	6%
KDH	(New)	HOSE	36,200	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	38,100	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	42,400	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	19,050	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG		HOSE	38,600	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	32,000	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	112,100	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	57,500	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	34,800	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	38,100	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	38,600	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	56,400	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	32,100	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	44,800	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	37,000	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	39,000	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	80,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	96,000	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	26,650	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	121,900	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	98,100	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	144,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SAB		HOSE	171,900	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	106,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	88,700	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	91,200	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	39,800	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	115,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	110,700	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	36,200	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	50,900	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,300	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	59,300	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	65,500	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	84,700	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,100	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	37,500	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	73,600	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	56,000	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,400	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	40,400	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	95,800	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	64,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	23,400	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	58,700	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	20,900	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,500	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	42,500	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	72,000	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,150	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.